

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS-ST

Ngày 22-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm;

Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Dung;

Ông Lê Hùng Cường;

Ông Nguyễn Khắc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lan Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2024/TLST-HS, ngày 04-01-2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-QĐ, ngày 29-02-2024 đối với:

- Bị cáo: Hoàng Thị T, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1946 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H (đã chết) và bà Vi Thị P (đã chết); có chồng Hoàng Xuân H và có 07 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bản án số 08/2023/HS-ST ngày 21-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Bản án số 13/2023/HS-ST ngày 08-08-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 17/7/2023; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T: Bà Hoàng Thị B là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện Đ,

tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Lại Thị T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Nông Thị T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Chị Nông Thị P, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Ông Vương Xuân H, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Thôn Pò Háng, xã Bính Xá, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2019 đến năm 2022, Hoàng Thị T mặc dù không có khả năng nhưng vẫn tự giới thiệu mình có thể xin việc làm cho người khác vào các cơ quan nhà nước và đi học các trường Công an, Quân đội để mọi người tin tưởng đưa tiền rồi chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1. Đối với bị hại Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, trú tại thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn

Năm 2019, Hoàng Thị T biết Vương Xuân H có con dâu là Nguyễn Thị H đã tốt nghiệp trường sư phạm nhưng chưa có việc làm nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 20-11-2019, Hoàng Thị T gọi điện thoại cho Vương Xuân H hỏi thăm và nói mình quen biết nhiều người có thể xin được việc làm cho con dâu Vương Xuân H vào làm giáo viên tại trường Trung học cơ sở xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vì tin tưởng, Vương Xuân H đã cho Hoàng Thị T số điện thoại của Nguyễn Thị H và Hoàng Thị T gọi điện nói có thể xin được việc cho Nguyễn Thị H nhưng phải mất chi phí được Nguyễn Thị H đồng ý. Sau đó Vương Xuân H và Nguyễn Thị H đã đưa cho Hoàng Thị T 09 lần với tổng số tiền là 320.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 21-11-2019, Hoàng Thị T đã gọi cho Vương Xuân H nói cần 60.000.000 đồng để “đặt cọc”, Vương Xuân H đồng ý và đưa cho Nguyễn Thị H 60.000.000 đồng để sang nhà đưa cho Hoàng Thị T. Sau khi giao tiền, Nguyễn Thị H viết giấy cho Hoàng Thị T ký xác nhận là tiền vay.

Lần 2: Hoàng Thị T gọi cho Vương Xuân H và nói có nhiều người xin việc nên tính chất cạnh tranh cao, để chắc suất thì cần thêm 50.000.000 đồng. Vương Xuân H nói lại cho Nguyễn Thị H biết và đưa cho Nguyễn Thị H 50.000.000 đồng để sang nhà đưa cho Hoàng Thị T. Sau khi nhận tiền từ Nguyễn Thị H, Hoàng Thị T viết thêm vào giấy vay trước đó là vay thêm 50.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 27-11-2019, Hoàng Thị T gọi cho Vương Xuân H nói số tiền Vương Xuân H đã đưa thấp hơn những người khác nên cần phải đưa thêm 50.000.000 đồng. Ngày 28-11-2019, Vương Xuân H đưa cho Nguyễn Thị H 50.000.000 đồng để sang nhà đưa cho Hoàng Thị T. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T ký nhận và viết thêm vào giấy vay tiền tổng số tiền đã nhận là 160.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 03-12-2019, Hoàng Thị T gọi cho Vương Xuân H nói sắp có quyết định tuyển dụng nên chuẩn bị làm hồ sơ, để hồ sơ được Hội đồng tuyển dụng chú ý thì cần thêm 40.000.000 đồng. Ngày 04-12-2019, Vương Xuân H đưa cho Nguyễn Thị H 40.000.000 đồng để sang nhà đưa cho Hoàng Thị T. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T đã ký nhận và ghi thêm vào tờ giấy vay tiền trước đó với tổng số tiền đã nhận là 200.000.000 đồng.

Lần 5: Hoàng Thị T gọi cho Vương Xuân H nói cần thêm 20.000.000 đồng để chi cho Hội đồng tuyển dụng. Ngày 11-12-2019, Vương Xuân H đưa cho Nguyễn Thị H 20.000.000 đồng để đem sang nhà đưa cho Hoàng Thị T. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T ký nhận và viết thêm vào giấy vay tiền với tổng số tiền đã nhận là 220.000.000 đồng.

Lần 6: Hoàng Thị T gọi cho Vương Xuân H nói Hội đồng tuyển dụng đang họp xem xét nhưng hồ sơ của Nguyễn Thị H chi tiền ít hơn các hồ sơ khác, có nguy cơ bị gạt ra nên cần thêm 25.000.000 đồng. Ngày 03-02-2020, Vương Xuân H đưa cho Nguyễn Thị H 25.000.000 đồng để sang nhà đưa cho Hoàng Thị T. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T ký nhận và viết thêm vào giấy vay tiền với tổng số tiền đã nhận là 245.000.000 đồng.

Lần 7: Hoàng Thị T gọi cho Vương Xuân H nói hồ sơ của Nguyễn Thị H đưa thêm tiền thì người khác cũng đưa thêm nên cần thêm 15.000.000 đồng, vì muốn xin được việc làm cho Nguyễn Thị H nên Vương Xuân H đồng ý. Ngày 30-6-2020, Vương Xuân H đưa cho Nguyễn Thị H 15.000.000 đồng để sang nhà đưa cho Hoàng Thị T. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T ký nhận và viết thêm vào giấy vay tiền với tổng số tiền đã nhận là 260.000.000 đồng.

Lần 8: Hoàng Thị T gọi điện cho Vương Xuân H nói một suất công chức giá trung bình là 350.000.000 đồng, để chắc suất được tuyển dụng thì yêu cầu Vương Xuân H xoay sở đưa thêm tiền. Ngày 18-7-2020, Vương Xuân H đưa cho Nguyễn Thị H 30.000.000 đồng để sang nhà đưa cho Hoàng Thị T. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T ký nhận và viết thêm vào giấy vay tiền với tổng số tiền đã nhận là 290.000.000 đồng.

Lần 9: Hoàng Thị T trực tiếp gọi điện thoại cho Nguyễn Thị H và cho biết số tiền Nguyễn Thị H bỏ ra ít hơn những người cùng tham gia thi tuyển dụng nên cần thêm 30.000.000 đồng, vì tin tưởng nên Nguyễn Thị H đồng ý. Ngày 22-9-2020, Nguyễn Thị H đưa thêm cho Hoàng Thị T 30.000.000 đồng để xin việc. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T ký nhận và viết thêm vào giấy vay tiền tổng số tiền đã nhận là 320.000.000 đồng.

Sau một thời gian chờ không thấy thông báo tuyển dụng, Nguyễn Thị H cũng không có tên trong danh sách trúng tuyển nên đã đòi lại tiền thì được Hoàng Thị T trả lại nhiều lần với tổng số tiền là 165.000.000 đồng, còn 155.000.000 đồng đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

2. Đối với bị hại Lại Thị T, sinh năm 1988, trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn

Đầu năm 2021, Hoàng Thị T biết Lại Thị T chưa có việc làm ổn định nên đã đặt vấn đề xin cho Lại Thị T vào làm tạp vụ tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn với chi phí là 120.000.000 đồng. Vì tin tưởng nên Lại Thị T đồng ý và đã chuyển cho Hoàng Thị T 03 lần với tổng số tiền là 130.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 06-02-2021, Lại Thị T đưa trước cho Hoàng Thị T 70.000.000 đồng để xin việc. Sau khi nhận tiền tại nhà Lại Thị T, Hoàng Thị T ký nhận giấy vay tiền có sự chứng kiến của Phạm Thị D trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Lần 2: Ngày 08-02-2021, Lại Thị T tiếp tục đưa cho Hoàng Thị T 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T ký nhận giấy vay tiền mới có sự chứng kiến của Phạm Thị D.

Lần 3: Ngày 27-02-2021, Hoàng Thị T đến nhà của Lại Thị T và nói cần phải đưa thêm tiền để xin việc vì có người khác đã bỏ ra nhiều tiền hơn để chạy vào vị trí đó, vì tin tưởng nên Lại Thị T đồng ý đưa thêm cho Hoàng Thị T 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T ký nhận giấy vay tiền mới có sự chứng kiến của Phạm Thị D.

Số tiền 130.000.000 đồng nhận được từ Lại Thị T, Hoàng Thị T đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

3. Đối với bị hại Nông Thị T, sinh năm 1977, trú tại thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn

Năm 2021, qua nói chuyện, Hoàng Thị T biết Nông Thị T (người quen) có con gái đã học hết lớp 12, nên đã nói có thể xin cho con của Nông Thị T vào học tại trường Công an với chi phí là 200.000.000 đồng, Nông Thị T nói không có tiền thì Hoàng Thị T xin số điện thoại của Nông Thị T để tiện liên lạc. Một thời gian sau, Hoàng Thị T gọi điện thoại cho Nông Thị T nói chỉ cần 60.000.000 đồng là xin được cho con gái Nông Thị T đi học, vì tin tưởng nên Nông Thị T đồng ý đưa cho Hoàng Thị T 02 lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 7/2021, Hoàng Thị T gọi điện thoại cho Nông Thị T nói mang 60.000.000 đồng đến cho Hoàng Thị T để xin đi học cho con gái Nông Thị T. Sau đó, Nông Thị T đến nhà bà Bùi Thị T (Em dâu Hoàng Thị T), sinh năm 1963, trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đưa cho Hoàng Thị T 60.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T ký nhận vào giấy vay tiền, Bùi Thị T và Nông Thị P (chị gái Nông Thị T), sinh năm 1975, trú tại thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn ký người chứng kiến.

Lần 2: Tháng 8/2021, Hoàng Thị T tiếp tục gọi điện cho Nông Thị T nói cần chi phí thêm 10.000.000 đồng để lo xin đi học cho con gái, vì tin tưởng nên Nông Thị T đồng ý. Do ở xa nên Nông Thị T đã nhờ Nông Thị P mang 10.000.000 đồng đến đưa cho Hoàng Thị T nhưng không viết giấy tờ gì.

Đến tháng 11/2021, biết con gái không được đi học trường Công an nên Nông Thị T đã đòi lại tiền. Trong năm 2022, Hoàng Thị T trả lại cho Nông Thị T nhiều lần với tổng số tiền là 35.000.000 đồng, còn lại 35.000.000 đồng đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

4. Đối với bị hại Nông Thị P, sinh năm 1975, trú tại thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn

Khoảng tháng 9-2021, Hoàng Thị T nói với Nông Thị P có thể xin cho con của Nông Thị P đi học trường thiếu sinh quân tại Hà Nội với chi phí khoảng 200.000.000 đồng, Nông Thị P tin tưởng nên nhờ Hoàng Thị T xin giúp và đã chuyển 04 lần với tổng số tiền là 125.000.000 đồng cho Hoàng Thị T, cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 10-2021, Hoàng Thị T gọi điện thoại cho Nông Thị P nói cần 80.000.000 đồng để xin học, Nông Thị P đồng ý nhưng do chưa có tiền nên Nông Thị P hẹn Hoàng Thị T khi nào gom đủ tiền sẽ liên lạc với Hoàng Thị T. Đến tháng 12-2021, khi đã chuẩn bị đủ tiền Nông Thị P liên lạc với Hoàng Thị T thì được hẹn gặp đưa tiền tại nhà của Bùi Thị T. Tại nhà Bùi Thị T, Nông Thị P đã đưa cho Hoàng Thị T 80.000.000 đồng có sự chứng kiến của chồng Nông Thị P là Đặng Văn T. Sau khi nhận tiền, Hoàng Thị T đã ký giấy vay tiền, Bùi Thị T ký tên người chứng kiến.

Lần 2: Vài ngày sau, Hoàng Thị T gọi cho Nông Thị P nói số tiền quá ít nên người giúp đỡ chưa đồng ý phải cần thêm 20.000.000 đồng được Nông Thị P đồng ý. Ngày 27-12-2021, Nông Thị P đã đưa cho Hoàng Thị T 20.000.000 đồng tại nhà Bùi Thị T có sự chứng kiến của Đặng Văn T. Để tiện cho việc theo dõi tổng số tiền đã đưa cho Hoàng Thị T, khi về nhà Đặng Văn T có viết thêm vào tờ giấy vay trước đó.

Lần 3: Vẫn với lý do số tiền quá ít, Hoàng Thị T gọi điện thoại cho Nông Thị P nói cần thêm 20.000.000 đồng. Ngày 11-02-2022, Nông Thị P đã đưa cho Hoàng Thị T 20.000.000 đồng tại nhà Bùi Thị T có sự chứng kiến của Đặng Văn T. Khi về nhà Đặng Văn T tiếp tục viết thêm vào giấy vay tiền.

Lần 4: Ngày 12-7-2022, Hoàng Thị T tiếp tục gọi điện thoại cho Nông Thị P nói cần thêm 5.000.000 đồng gọi là tiền "nước nôi" cho người giúp đỡ, Nông Thị P đã đưa cho Hoàng Thị T thêm 5.000.000 đồng.

Sau 04 lần đưa tiền, Nông Thị P có yêu cầu Hoàng Thị T ký chốt tổng số tiền đã nhận được Hoàng Thị T đồng ý. Trong giấy vay tiền, Hoàng Thị T ký tên người vay và Bùi Thị T ký tên người chứng kiến. Đến kỳ khai giảng năm học mới, thấy con không được đi học nên Nông Thị P đòi lại số tiền đã đưa, Hoàng Thị T mới trả lại được 5.000.000 đồng còn lại 120.000.000 đồng đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản Cáo trạng số 07/CT-VKSLS-P1 ngày 03-01-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Bản cáo trạng đã truy tố và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại Lại Thị Tiên, Nông Thị T, Nông Thị P yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt chưa trả và yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Bị hại Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt, chưa trả lại bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố, điều chỉnh lại số tiền bị cáo đã trả cho bị hại Nguyễn Thị H là 165.000.000 đồng, còn lại số tiền chưa trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H là 155.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, o, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 07 năm đến 08 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã hoàn trả cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 165.000.000 đồng; bị hại Nông Thị T số tiền 35.000.000 đồng; bị hại Nông Thị P số tiền 5.000.000 đồng. Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải trả cho bị hại Lại Thị T số tiền 130.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị H số tiền 155.000.000 đồng; bị hại Nông Thị T số tiền 35.000.000 đồng; bị hại Nông Thị P số tiền 120.000.000 đồng.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân bị cáo phạm tội xuất phát từ hoàn cảnh khó khăn của bị cáo, bị cáo tuổi đã cao, đã hết độ tuổi lao động nhưng vẫn đang phải lao động kiếm tiền để chăm sóc chồng và con trai bị bệnh. Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo; đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1

Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức hình phạt khởi điểm của mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, các giấy biên nhận và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Từ tháng 11-2019 đến tháng 8-2022, mặc dù không có khả năng nhưng bị cáo Hoàng Thị T vẫn tự giới thiệu với một số người trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn về việc mình có thể xin việc làm cho người khác vào các cơ quan Nhà nước và đi học các trường Công an, Quân đội để mọi người tin tưởng đưa tiền rồi chiếm đoạt của 04 bị hại là chị Nguyễn Thị H, chị Lại Thị T, chị Nông Thị T và chị Nông Thị P với tổng số tiền 645.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền từ các bị hại đưa, Hoàng Thị T đã sử dụng phần lớn vào việc cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tiền cho các bị hại. Trước khi Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án, bị cáo Hoàng Thị T đã trả lại cho một số bị hại tổng số tiền là 205.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt 440.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo Hoàng Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3] Hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ; gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Không những vậy hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến uy tín của Cơ quan Nhà nước trong công tác tuyển dụng. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do nợ nần, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số 08/2023/HS-ST ngày 21-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Bản án số 13/2023/HS-ST ngày 08-08-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trước lần phạm tội này, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã trả lại cho một số bị hại một phần số tiền đã chiếm đoạt trước khi vụ án khởi tố; bị cáo là người trên 70 tuổi; đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được Chủ tịch Nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; chồng bị cáo là ông Hoàng Xuân H được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì và gia đình bị cáo là người thờ cúng 02 Liệt sỹ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Xem xét điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt cũng là thỏa đáng. Cần xử phạt bị cáo tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, nhằm đảm bảo răn đe, phòng, ngừa tội phạm tại địa phương. Để đảm bảo thi hành án cần tổng hợp hình phạt đối với các bản án bị cáo đã bị xử phạt nhưng chưa thi hành xong.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo không còn tài sản, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 165.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Nông Thị T số tiền 35.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Nông Thị P số tiền 5.000.000 đồng. Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải trả cho bị hại Lại Thị T số tiền 130.000.000 đồng; tiếp tục bồi thường số tiền 155.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị H; tiếp tục bồi thường số tiền 35.000.000 đồng cho bị hại Nông Thị T; tiếp tục bồi thường số tiền 120.000.000 đồng cho bị hại Nông Thị P.

[8] Về xử lý vật chứng: Không có.

[9] Đối với Bùi Thị T khi ký tên tư cách người chứng kiến trong các giấy vay tiền, Bùi Thị T không biết Hoàng Thị T có mục đích chiếm đoạt tài sản nên không xem xét xử lý.

[10] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, ý kiến nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận; ý kiến nào không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng do bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá

ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 07 (bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và hình phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HS-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án 17-7-2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 274, 275, 288, 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo Hoàng Thị T đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Bị cáo Hoàng Thị T phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H, số tiền 155.000.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường cho bị hại Lại Thị Tiến số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường cho bị hại Nông Thị T 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo Hoàng Thị T đã bồi thường cho bị hại Nông Thị T số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Bị cáo Hoàng Thị T phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nông Thị T, số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường cho bị hại Nông Thị P 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Xác nhận bị cáo Hoàng

Thị T đã bồi thường cho bị hại Nông Thị P số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Bị cáo Hoàng Thị T phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nông Thị P, số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. **Án phí:** Bị cáo Hoàng Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự.

5. **Quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- HCTP, KTNV & THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm